

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN-LẦN 2
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 3, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Quản trị chi phí		
Mã học phần:	71ACCT40222	Số tin chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	233_71ACCT40222-01,02		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	75	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu: (giấy và file đã down về máy)</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

Hình thức làm tự luận : Gõ trực tiếp vào ô trả lời hoặc đính kèm file word, excel (không đính kèm hình ảnh)

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Vận dụng mối quan hệ giữa chi phí- khối lượng- lợi nhuận vào từng trường hợp cụ thể	Trắc Nghiệm	20%	Câu 1,2,3,4,5	0.4đ/câu (tổng điểm 5 câu là 2 điểm)	PI3.1
		Tự luận	30%	Câu 11	3 điểm	PI3.2
CLO2	Xác định phương pháp tính giá thành trong doanh nghiệp phục vụ ra quyết định cho doanh nghiệp	Trắc Nghiệm	20%	Câu 6,7,8,9,10	0.4đ/câu (tổng điểm 5 câu là 2 điểm)	PI3.2
CLO3	Thực hiện tính giá thành một cách độc lập và thành thạo	Tự luận	30%	Câu 12	3 điểm	PI8.1

III. Nội dung câu hỏi thi**PHẦN TRẮC NGHIỆM 10 câu (4 điểm- 0.4 điểm/câu)****Câu 1:**

Doanh nghiệp ABC hiện đang kinh doanh sản phẩm A với đơn giá bán là 40.000đ/sp, biến phí đơn vị bằng 60% giá bán và định phí hàng tháng là 74.880.000đ. Như vậy doanh thu hòa vốn cần đạt được trong tháng là:

- A. 187.200.000đ
- B. 4.680 sản phẩm
- C. 124.800.000đ
- D. 180.000.000đ

ANSWER: A

Câu 2:

Công ty A sản xuất sản phẩm X trong kỳ phát sinh dữ liệu sau: giá bán là 38.000 đồng/sp, biến phí sản xuất là 20.000 đồng/ sản phẩm. Định phí sản xuất và bán hàng 40.000.000 đồng tại mức hoạt động hiện tại là 1.500 sản phẩm. Ngoài ra còn có hoa hồng bán hàng là 10% trên giá bán. Tổng số dư đảm phí ở mức tiêu thụ hiện tại là:

- A. 21.300.000 đồng
- B. 27.000.000 đồng
- C. 23.100.000 đồng
- D. 17.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 3

Vào giữa năm 2024, giá mua nguyên vật của công ty A tăng 8% (các yếu tố khác không đổi). Điều này ảnh hưởng đến điểm hòa vốn và số dư đảm phí như thế nào?

- A. Điểm hòa vốn tăng và số dư đảm phí giảm.
- B. Điểm hòa vốn và số dư đảm phí tăng
- C. Điểm hòa vốn giảm và số dư đảm phí tăng.
- D. Điểm hòa vốn và số dư đảm phí giảm.

ANSWER: A

Câu 4

Trong tháng 5/2024 công ty Glue bán được 1.800 triệu đồng, định phí của công ty là 600 triệu đồng và biến phí chiếm 60% doanh thu của tháng. Dựa vào thông tin trên số dư an toàn theo số tiền của công ty bằng

- A. 300 triệu đồng
- B. 800 triệu đồng
- C. 250 triệu đồng
- D. 1.500 triệu đồng

ANSWER: A

Câu 5

Công ty Hukey bán ba sản phẩm. Tỷ lệ số dư đảm phí và doanh thu cho ba sản phẩm như sau:

	X	Y	Z
Doanh thu	70	80	100

Tỷ lệ số dư đảm phí 32% 49% 30%

Dựa trên dữ liệu đã cho, tính tỷ lệ số dư đảm phí của toàn công ty:

- A. 36.64%
- B. 37%
- C. 111%
- D. 38%

ANSWER: A

Câu 6

Một công ty sản xuất một sản phẩm duy nhất có thu nhập hoạt động ròng theo phương pháp giá thành khả biến là \$45.200 và thu nhập hoạt động ròng theo phương pháp giá thành toàn bộ là \$54.200. Tổng chi phí sản xuất cố định là \$200.000, và sản xuất 100.000 sản phẩm. Từ đầu đến cuối năm, mức tồn kho

- A. tăng thêm 4.500 sản phẩm
- B. giảm 4.500 sản phẩm
- C. giảm 9.000 sản phẩm
- D. tăng thêm 9.000 sản phẩm

ANSWER: A

Câu 7

Công ty Cổ phần Tubo sản xuất quạt cây. Dưới đây là cấu trúc chi phí của Tubo

	Biến phí trên 1 quạt cây	Tổng định phí 1 năm
Chi phí sản xuất	\$90	\$520,000
Chi phí bán hàng và quản lý	\$15	\$60,000

Trong năm đầu tiên hoạt động, Tubo đã sản xuất 40.000 quạt cây nhưng chỉ bán được 35.000 chiếc. Tổng chi phí của sản phẩm tồn kho cuối kỳ của công ty theo phương pháp giá thành đầy đủ là bao nhiêu?

- A. \$515.000
- B. \$525.000
- C. \$450.000
- D. \$524.286

ANSWER: A

Câu 8

Công ty Rain sản xuất một sản phẩm duy nhất, một bánh răng đặc biệt được sử dụng trong hộp số tự động. Mỗi bánh răng được bán với giá 35 đô la và công ty bán được 10.000 bánh răng mỗi năm. Dữ liệu chi phí đơn vị được trình bày dưới đây:

	Biến phí	Định phí
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	\$ 6.00	
Chi phí nhân công trực tiếp	\$ 4.00	
Chi phí SXC	\$ 5.00	\$ 10.00

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp \$ 3.00 \$ 5.00

Tính giá thành đơn vị sản phẩm theo phương pháp **toàn bộ**

- A. \$25
- B. \$18
- C. \$15
- D. \$28

ANSWER: A

Câu 9

Công ty Huton sử dụng hệ thống chi phí dựa trên hoạt động với ba nhóm chi phí hoạt động. Chi phí chung liên quan đến hoạt động sản xuất trong kỳ như sau:

Chi phí chung liên quan đến hoạt động sản xuất trong kỳ như sau:

- Tiền công, tiền lương	\$180,000
- Chi phí khấu hao	\$400,000
- Vận chuyển hàng	\$250,000
Tổng:	\$830,000

Chi phí chung được phân bổ cho các hoạt động là như sau:

	<i>Lắp ráp</i>	<i>Xử lý đơn đặt hàng</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng</i>
Tiền công, tiền lương	60%	30%	10%	100%
Chi phí khấu hao	20%	40%	40%	100%
Vận chuyển hàng	15%	55%	30%	100%

Chi phí chung phân bổ cho hoạt động lắp ráp của công ty là bao nhiêu?

- A. \$225.500
- B. \$788.500
- C. \$351.500
- D. \$250.000

ANSWER: A

Câu 10

Công ty X có cung cấp thông tin về hệ thống giá thành dựa trên mức độ hoạt động như sau:

Hoạt động	Tổng chi phí	Tổng mức hoạt động
Lắp ráp	521,000	12,500 giờ máy
Xử lý đơn đặt hàng	43,500	1,500 đơn đặt hàng
Kiểm tra	34,200	1,200 giờ kiểm tra

Tỷ lệ phân bổ chi phí chung cho hoạt động xử lý đơn đặt hàng là bao nhiêu?

- A. 29 \$/đơn đặt hàng
- B. 29 \$/ giờ kiểm tra
- C. 31 \$/ đơn đặt hàng
- D. 28.5 \$/ đơn đặt hàng

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 11- 3 điểm

Công ty Green là công ty thương mại chuyên mua bán đồ điện tử, báo cáo tháng 4/2024 như sau: Doanh thu 592.500 USD và giá vốn hàng bán là 326.250 USD. Tổng biến phí bán hàng của công ty là 35.550 USD; tổng định phí bán hàng là 16.000 USD; tổng biến phí quản lý doanh nghiệp là 23.700 USD; và tổng định phí quản lý doanh nghiệp là 8.900 USD. Giá vốn hàng bán ở công ty này là biến phí sản xuất (gồm biến phí NVLTT, biến phí NCTT và biến phí SXC) là 296.250 USD và định phí sản xuất chung 30.000 USD. Giá bán trung bình một thiết bị điện tử là 50 USD/sp

Yêu cầu: (các yêu cầu độc lập với nhau)

1. Lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của tháng 4/2024 dưới dạng số dư đảm phí (đầy đủ 3 cột: Tổng, đv, %) (1.5 điểm)
2. Tính sản lượng hòa vốn của công ty ? (0,5 điểm)
3. Người quản lý đang cân nhắc phương án tăng hoa hồng bán hàng lên 2USD/sp sẽ làm số lượng tăng 25% bán mỗi tháng. Công ty có nên thực hiện phương án này không? Tại sao? (1 điểm)

Câu 12- 3 điểm

Một công ty sản xuất hai sản phẩm, A và B, sử dụng cùng một thiết bị và quy trình tương tự. Dưới đây là bản trích xuất dữ liệu sản xuất của các sản phẩm này trong một giai đoạn. (đvt: 1000 đồng)

	A	B
Số lượng sản xuất (sp)	3,000	2,000
Số giờ lao động trực tiếp trên một đơn vị	3.5	1
Giờ máy trên mỗi đơn vị	3	4
Số lần set up trong kỳ	8	2
Các đơn đặt hàng được xử lý trong kỳ	15	10

Chi phí chung

Liên quan đến hoạt động của máy	450,500
Liên quan đến thiết lập (set up) sản xuất	25,000
Liên quan đến việc xử lý các đơn đặt hàng	<u>45,000</u>
	520,500

Yêu cầu:

Tính chi phí sản xuất chung được phân bổ cho một đơn vị của mỗi sản phẩm bằng cách sử dụng các phương pháp chi phí sau đây.

- (a) Cách tiếp cận chi phí truyền thống, sử dụng tỷ lệ giờ lao động trực tiếp để phân bổ chi phí SXC (1 điểm)
- (b) Phương pháp tiếp cận chi phí dựa trên hoạt động, sử dụng các nguyên nhân phát sinh chi phí phù hợp (cost driver) để phân bổ chi phí chung vào sản phẩm (2 điểm)

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phân câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		4.0	

Câu 1 – 10		0.4/câu																																																	
II. Tự luận		6.0																																																	
Câu 11		3.0																																																	
Nội dung 1	<p>Báo cáo KQHĐKD dưới dạng số dư đảm phí</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th></th> <th>Tổng</th> <th>Đơn vị</th> <th>%</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Doanh thu (11.850sp)</td> <td>592,500</td> <td>50</td> <td>100%</td> </tr> <tr> <td>Biến phí</td> <td>355,500</td> <td>30</td> <td>60%</td> </tr> <tr> <td>- <i>Biến phí GVHB</i></td> <td>296,250</td> <td>25</td> <td></td> </tr> <tr> <td>- <i>Biến phí bán hàng</i></td> <td>35,550</td> <td>3</td> <td></td> </tr> <tr> <td>- <i>Biến phí QLDN</i></td> <td>23,700</td> <td>2</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Số dư đảm phí</td> <td>237,000</td> <td>20</td> <td>40%</td> </tr> <tr> <td>Định Phí</td> <td>54,900</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>- <i>Định phí sxc</i></td> <td>30,000</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>- <i>Định phí bán hàng</i></td> <td>16,000</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>- <i>Định phí QLDN</i></td> <td>8,900</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Lợi nhuận</td> <td>182,100</td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>		Tổng	Đơn vị	%	Doanh thu (11.850sp)	592,500	50	100%	Biến phí	355,500	30	60%	- <i>Biến phí GVHB</i>	296,250	25		- <i>Biến phí bán hàng</i>	35,550	3		- <i>Biến phí QLDN</i>	23,700	2		Số dư đảm phí	237,000	20	40%	Định Phí	54,900			- <i>Định phí sxc</i>	30,000			- <i>Định phí bán hàng</i>	16,000			- <i>Định phí QLDN</i>	8,900			Lợi nhuận	182,100			1.5	
	Tổng	Đơn vị	%																																																
Doanh thu (11.850sp)	592,500	50	100%																																																
Biến phí	355,500	30	60%																																																
- <i>Biến phí GVHB</i>	296,250	25																																																	
- <i>Biến phí bán hàng</i>	35,550	3																																																	
- <i>Biến phí QLDN</i>	23,700	2																																																	
Số dư đảm phí	237,000	20	40%																																																
Định Phí	54,900																																																		
- <i>Định phí sxc</i>	30,000																																																		
- <i>Định phí bán hàng</i>	16,000																																																		
- <i>Định phí QLDN</i>	8,900																																																		
Lợi nhuận	182,100																																																		
Nội dung 2.	- Sản lượng hòa vốn = Định phí/Số dư đảm phí đơn vị = 54.900/20 = 2.745 sản phẩm	0.5																																																	
Nội dung 3.	<p>Sản lượng mới = 11.850*1.2=14.220 sp Biến phí mới = 30+2=32 USD ⇒ Phương trình LN mới = (DT-Biến phí)-Định phí= (14.220*50-14220*32)-54900=201.060USD Vì Ln của phương án mới cao hơn so với LN hiện nay 1 khoản : 201.060-182.100=18.960 USD Do đó cty nên thực hiện phương án này.</p>	1																																																	
Câu 12		3.0																																																	
Nội dung 1	<p>Theo phương pháp truyền thống</p> <p>Tỷ lệ phân bổ chi phí chung = Tổng chi phí/ tổng số giờ lao động trực tiếp = 520,500/(3.5*3000+1*2000)= 41.64 nghìn đồng/giờ lao động (0.5đ)</p> <p>Chi phí chung phân bổ cho:</p> <ul style="list-style-type: none"> - SP A: 3.5 giờ/sp * 41.64 nghìn đồng/giờ lao động= 145.74 nghìn đồng/sp (0.5đ) - SP B: 1 giờ/sp * 41.64 nghìn đồng/ giờ lao động = 41.64 nghìn đồng/sp (0.5đ) 	1																																																	

Nội dung 2	Theo phương pháp ABC				2	
	Chi phí chung	Chi phí	Số lượng	ĐV	Tỷ lệ phân bổ chi phí chung	
	Liên quan đến hoạt động của máy	450,500	17,000	giờ máy	26.5 nghìn đồng/ giờ máy	
	Liên quan đến thiết lập (set up) sản xuất	25,000	10	Số lần setup	2,500 nghìn đồng/ lần setup	
	Liên quan đến việc xử lý các đơn đặt hàng	45,000	25	Số ĐDH	1,800 nghìn đồng/ đơn đặt hàng	
			(0.5đ)		(0.5đ)	
	Phân bổ chi phí chung vào từng sản phẩm					
		SP A		SP B		
	Liên quan đến hoạt động của máy	=3giờ máy/sp *26.5nghìn đồng /giờ máy = 79,5 nghìn đồng/ sp		=4giờ máy/sp *26.5nghìn đồng /giờ máy = 106 nghìn đồng/ sp		
	Liên quan đến thiết lập (set up) sản xuất	=(8 setup *2500 nghìn đồng /setup)/3000 sp= 6.67 nghìn đồng/sp		=(2 setup *2500 nghìn đồng /setup)/2000 sp= 2.5 nghìn đồng/sp		
	Liên quan đến việc xử lý các đơn đặt hàng	=(15 đơn đặt hàng *1800 nghìn đồng /đơn đặt hàng)/3000 sp =9 nghìn đồng/sp		=(10 đơn đặt hàng *1800 nghìn đồng /đơn đặt hàng)/2000 sp =9 nghìn đồng/sp		
	Tổng	95.17 nghìn đồng/sp (0.5đ)		117.50 nghìn đồng/sp (0.5đ)		
	Điểm tổng				10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 6 năm 2024

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề

TS.Lê Phan Thanh Hòa

Th.s Lê Như Hoa